

DSSV CHƯƠNG TRÌNH ĐỀ ÁN KHOA HÓA HỌC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH (DỰ KIẾN)
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2024-2025

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/24- 25	XL HT HK1/24- 25	XL ĐRL HK1/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
1	21146009	Dương Ngọc Trà	19	16	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	25.132.800		25.132.800		Hóa VP
2	21147025	Nguyễn Dương Thảo Vy	12	12	9,23	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.703.050		15.703.050		Hóa học
3	21147143	Nguyễn Văn Ngào	10	10	9,24	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	13.372.920		13.372.920		Hóa học
4	21147191	Phạm Thanh Thảo	22	22	9,35	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	35.965.050		35.965.050		Hóa học
5	21247005	Nguyễn Phạm Đình Chương	8	8	9,18	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	14.269.800		14.269.800		CNKT Hóa
6	21247061	Ngô Quang Huy	8	8	8,8	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	15.243.250		15.243.250		CNKT Hóa
7	21247163	Lê Thế Duy	12	12	9,7	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	27.676.680		27.676.680		CNKT Hóa
8	21247194	Dương Khải Minh	14	14	9,09	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	29.978.280		29.978.280		CNKT Hóa
9	22147025	Huỳnh Hoàng Diệu	12	12	8,73	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	21.120.000		21.120.000		Hóa học
10	22147041	Hồ Gia Huệ	12	12	8,88	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	21.120.000		21.120.000		Hóa học
11	22147105	Nguyễn Thành Phước	12	12	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	21.120.000		21.120.000		Hóa học
12	22147118	Nguyễn Phúc Tài	12	12	9,03	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.120.000		21.120.000		Hóa học
13	22247047	Trương Thế Khải	12	10	9,02	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	22.686.120		22.686.120		CNKT Hóa
14	22247088	Hồ Hoàng Phúc	12	10	8,7	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	20.795.610		20.795.610		CNKT Hóa
15	22247106	Đỗ Minh Tâm	12	10	8,74	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	20.795.610		20.795.610		CNKT Hóa
16	22247133	Phạm Việt Thùy Trinh	12	10	9,06	Xuất sắc	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	20.795.610		20.795.610		CNKT Hóa
17	23147006	Nguyễn Thế Khang	20	14	9,39	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.547.680		24.547.680		Hóa học
18	23147012	Thái Nguyễn Thành Nhân	20	14	9,21	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.547.680		24.547.680		Hóa học
19	23147036	Phan Tấn Thành	20	14	9,69	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	24.547.680		24.547.680		Hóa học
20	23247004	Trần Gia Bảo	18	14	9,22	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	23.752.560		23.752.560		CNKT Hóa
21	23247005	Lê Hồng Ngọc Giang	18	14	8,96	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	21.773.180		21.773.180		CNKT Hóa
22	23247078	Hà Khánh Linh	18	14	8,85	Giỏi	Xuất sắc	Giỏi	110% HP thực đóng	21.773.180		21.773.180		CNKT Hóa
23	23247104	Hứa Như Quỳnh	18	14	8,8	Giỏi	Tốt	Giỏi	110% HP thực đóng	21.773.180		21.773.180		CNKT Hóa
24	24147013	Phạm Ngọc Bảo	15	13	9,56	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.330.360		21.330.360		Hóa học
25	24147014	Huỳnh Minh Dũng	15	13	9,42	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.330.360		21.330.360		Hóa học

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	SỐ TÍN CHỈ ĐĂNG KÝ	SỐ TÍN CHỈ XÉT HB	ĐTB xét HB HK1/24- 25	XL HT HK1/24- 25	XL ĐRL HK1/24- 25	LOẠI HỌC BỔNG	MỨC HỌC BỔNG	TIỀN HB (VNĐ)	HB KHÁC (VNĐ)	TIỀN THỰC NHẬN (VNĐ)	GHI CHÚ	NGÀNH
26	24147015	Trần Ngọc Hoa	15	13	9,38	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.330.360		21.330.360		Hóa học
27	24147020	Đinh Ngọc Quý	15	13	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	21.330.360		21.330.360		Hóa học
28	24247087	Huỳnh Phước Lộc	15	11	9,62	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.816.800		19.816.800		CNKT Hóa
29	24247089	Phan Đức Mạnh	15	11	9,43	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.816.800		19.816.800		CNKT Hóa
30	24247096	Lưu Hải My	15	11	9,55	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.816.800	16.514.000	3.302.800	SV đã nhận HB Đầu vào (100% học phí thực đóng)	CNKT Hóa
31	24247097	Bùi Thanh Ngân	15	11	9,33	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.816.800		19.816.800		CNKT Hóa
32	24247118	Nguyễn Quốc Thành	15	11	9,58	Xuất sắc	Xuất sắc	Xuất sắc	120% HP thực đóng	19.816.800		19.816.800		CNKT Hóa